

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Đạt***

***Các Hội thẩm nhân dân:***

**1. Bà Lê Thị Hương**

**2. Ông Phạm Ngọc Minh**

***- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Trung*** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hương*** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15-7-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03-8-2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 199** (có mặt)

Địa chỉ: Khu p, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận

Bị đơn: **Ông Phạm Văn B, sinh năm 199** (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Kim L trình bày:

Bà Trần Thị Kim L và ông Phạm Văn B chung sống với nhau từ năm 2020, hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi; vợ chồng có tìm hiểu nhau được thời gian khoảng 06 tháng tiến đến hôn nhân; vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 05-11-2020 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020, nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, to tiếng xúc phạm nhau; bà L có góp ý nhiều lần nhưng ông Bình không thay đổi, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, trầm trọng; vợ chồng không còn chung sống từ tháng 03-2021 cho đến nay; vợ chồng không

còn quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống; Đến thời điểm hôm nay bà L xác định không còn tình cảm yêu thương ông Phạm Văn B, tình cảm của bà L đối với ông B đã hết hoàn toàn; Vì vậy bà L yêu cầu ly hôn ông Phạm Văn B, bà L đã suy nghĩ kỹ, cương quyết ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Phạm Trần Nhật A, sinh 28-5-202, hiện đang ở với bà L. Ly hôn bà L yêu cầu được nuôi con tên Phạm Trần Nhật A, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay bà L làm nghề phục vụ quán ăn, kinh doanh trực tuyến quần áo hàng tháng thu nhập bình quân khoảng 7.000.000đ, đủ khả năng nuôi con.

Ông B không có nghề nghiệp gì cả.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn ông Phạm Văn B vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng.

- Tại phiên tòa bà Trần Thị Kim L vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng Bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đã phân tích đánh giá tài liệu, chứng cứ, thực trạng hôn nhân của bà Trần Thị Kim L và ông Phạm Văn B, đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim L được ly hôn ông Phạm Văn B.

Về con chung: Giao con chung tên 01 người con chung tên Phạm Trần Nhật A, sinh 28-5-202 cho bà Trần Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng; Ông Phạm Văn B không cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con đối với bị đơn ông Phạm Văn B, vì vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn ông Phạm Văn B có địa chỉ tại thôn L, xã P, huyện N thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015.

[1.2] - Về sự vắng mặt của bị đơn ông Phạm Văn B: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông Phạm Văn B vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

**[2] Về nội dung:**

**[2.1] Về quan hệ hôn nhân:**

Bà Trần Thị Kim L và ông Phạm Văn B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 94, ngày 05-11-202; Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Kim L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Phạm Văn B, vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gay gắt, trầm trọng, xa cách thời gian dài, không còn khả năng đoàn tụ.

Xét thấy: Nguyên nhân dẫn đến ly hôn do vợ chồng thường xuyên cãi vã gay gắt, xúc phạm nhau, ông Phạm Văn B, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 09-2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống, không còn khả năng đoàn tụ.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: Chính quyền địa phương có biết được mâu thuẫn vợ chồng bà L và ông B; nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên to tiếng, xúc phạm nhau, ông B không quan tâm đến vợ con. Hiện tại vợ chồng bà Trần Thị Kim L và ông Phạm Văn B không còn chung sống với nhau từ tháng 9-2021 đến nay, không còn khả năng đoàn tụ.

- Đối với bị đơn ông Phạm Văn B dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, các văn bản tố tụng, niêm yết công khai nhiều lần theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn cố tình không đến. Bị đơn ông Phạm Văn B vắng mặt xem như từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, chứng tỏ yêu cầu khởi kiện ly hôn và lời khai của bà Trần Thị Kim L là có căn cứ.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng bà Trần Thị Kim L và ông Phạm Văn B đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Kim L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Phạm Trần Nhật A, sinh 28-5-202, hiện đang ở với bà L. Ly hôn bà L yêu cầu được nuôi con tên Phạm Trần Nhật A, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Xét về yêu cầu trực tiếp nuôi con của bà Trần Thị Kim L, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Trần Thị Kim L là người trực tiếp chăm sóc con chung từ nhỏ đến nay; cháu Phạm Trần Nhật A được bà L chăm sóc đảm bảo mọi quyền lợi

của con chung. Vì vậy nên giao con chung tên tên Phạm Trần Nhật A, sinh 28-5-202 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; ông B không cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện N tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

##### **1. Về hôn nhân:**

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Kim L. Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Kim L và ông Phạm Văn B.

##### **2. Về con chung:**

Giao con chung tên Phạm Trần Nhật A, sinh 28-5-202 bà Trần Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phạm Văn B không cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

##### **- Về án phí:**

Bà Trần Thị Kim L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 000242, ngày 23-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Bà Trần Thị Kim L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn không có mặt tại phiên tòa, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- UBND phường M;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Quốc Đạt**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hương – Phạm Ngọc Minh**

**Trần Quốc Đạt**

